

犯罪被害補償金申請書-境外補償金版

ĐƠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

(BẢN BỒI THƯỜNG TẠI NƯỚC NGOÀI)

年度補審字第

號

Hồ sơ xét duyệt theo niên độ số

申請人 Người nộp đơn	姓 名 Họ và tên	性 別 Giới tính	出生日期 Ngày tháng năm sinh (Năm/tháng/ngày)	國 籍 Quốc tịch	國民身分證統一編號 (居留證號碼或護照號碼) Số chứng minh thư (Số thẻ cư trú hoặc số hộ chiếu)									
	地 址 Địa chỉ				職 業 Nghề nghiệp		電 話 : () -							
	戶籍地址 : Hộ khẩu thường trú:						Điện thoại:							
	通訊地址 : ☐ 同上 Địa chỉ liên lạc: ☐ Như trên						行動電話 : Số điện thoại di động:							
申請人與被害人之關係 Quan hệ với người bị hại			☐ 父母 ☐ 配偶 ☐ 子女 ☐ 祖父母 ☐ 孫子女 ☐ 兄弟姐妹 Ba mẹ Vợ/chồng Con cái Ông bà cháu Anh chị em											
是否有多位申請人 Có nhiều người nộp đơn không :			否 Không ☐ 是 ☐ , 共 _____ 人, 並請續填附表。(詳如說明二、三) Có ☐ , Tổng cộng _____ người, vui lòng điền vào mẫu đính kèm. (Chi tiết tại mục 2, 3 của bản hướng dẫn).											
代理人 Người đại diện	姓 名 Họ và tên	性 別 Giới tính	出生日期 Ngày tháng năm sinh (Năm/tháng/ngày)	國 籍 Quốc tịch	國民身分證統一編號 (居留證號碼或護照號碼) Số chứng minh thư (Số thẻ cư trú hoặc mã số hộ chiếu)									
	通訊地址 Địa chỉ liên lạc						電 話 : () -							
							Điện thoại:							
							行動電話 : Số điện thoại di động:							
☐ 依本法第 55 條第 1 項受委任代為申請者 (請檢附委任書)。 Người được ủy quyền đại diện để nộp đơn theo khoản 1, Điều 55 Luật Bảo vệ quyền và lợi ích cho nạn nhân của tội phạm (xin vui lòng đính kèm Giấy ủy quyền). ☐ 依本法第 55 條第 2 項代為申請者。 Người đại diện nộp đơn theo khoản 2, Điều 55 Luật Bảo vệ quyền và lợi ích cho nạn nhân của tội phạm.														
資格事實 及理由		被害人是否於臺灣地區設有戶籍, 且未為遷出國外登記 Người bị hại có hộ khẩu tại Đài Loan và chưa đăng ký di cư ra nước ngoài.								☐ 是 ☐ 否 ☐ Có ☐ Không				

Sự kiện và lý do liên quan đến tư cách	被害人無非法出境或因案遭我國通緝之情形 Người bị hại không thuộc diện xuất cảnh trái phép hoặc bị truy nã bởi cơ quan chức năng Đài Loan do liên quan đến vụ án.		☐ 是 ☐ 否 ☐ Có ☐ Không	
	犯罪行為發生(或結果)地 Nơi xảy ra hành vi (kết quả) phạm tội		國 Quốc gia	
	死亡日期 Ngày tử vong		年 月 日 Năm Tháng Ngày	
	加害人基本資料、被害發生之狀況及報案情形 Thông tin cơ bản người gây án, tình hình xảy ra vụ việc và tình hình báo cáo của vụ án	加害人姓名：_____ 國籍：_____ 男 ☐ 女 ☐ Tên người gây án: _____ Quốc tịch: _____ Nam ☐ Nữ ☐ ☐ 詳 所載(如報案證明、犯罪調查報告書、偵查報告書、起訴書、判決書、新聞報導資料等)		
☐ 其他，請說明： ☐ Các văn bản/ giấy tờ khác, xin vui lòng ghi chú rõ:				
檢 附 文 件 Tài liệu đính kèm		☐ 本申請書 Đơn yêu cầu bồi thường ☐ 被害人死亡證明(或可證明被害人死亡之相關文件) Giấy chứng tử của người bị hại (hoặc tài liệu có thể chứng minh người bị hại đã tử vong) ☐ 新式戶口名簿或戶籍謄本等(可證明被害人於臺灣地區設有戶籍，且未遷出國外登記之文件) Sổ hộ khẩu theo mẫu mới hoặc bản sao hộ tịch, v.v... (tài liệu có thể chứng minh người bị hại có hộ khẩu tại Đài Loan và chưa đăng ký di cư ra nước ngoài). ☐ 繼承系統表(或其他可證明遺屬人數及優先順序之文件) Bảng hệ thống thừa kế (hoặc tài liệu có thể chứng minh số lượng và thứ tự ưu tiên của người thừa kế) ☐ 案件發生之證明文件(如報案證明、犯罪調查報告書、偵查報告書或起訴書、判決書、新聞報導資料等) Văn bản/ giấy tờ chứng minh vụ án xảy ra (như bằng chứng trình báo vụ án, báo cáo điều tra tội phạm, báo cáo điều tra, cáo trạng, giấy phán quyết của toàn án, tài liệu phóng sự, v.v...).		

	☐ 其他(依情況提供)，如： Các văn bản khác (cung cấp dựa theo tình huống cụ thể): ☐ 委任書(依本法第 55 條第 1 項委任代理人代為申請者) Giấy ủy quyền (người được ủy quyền đại diện để nộp đơn theo khoản 1, Điều 55 Luật Bảo vệ quyền và lợi ích cho nạn nhân của tội phạm). ☐ 監護宣告或輔助宣告之裁定資料 Thông tin quyết định về việc tuyên bố giám hộ hoặc tuyên bố hỗ trợ. ☐ 未成年人，其法定代理人資料及證明 Thông tin và giấy tờ chứng minh người đại diện theo pháp luật của vị thành niên.
--	--

給付方式：

Cách thức thanh toán:

1. 本補償決定作成後，由**申請人**受領。
 Sau khi có quyết định bồi thường, **Người nộp đơn** sẽ nhận khoản bồi thường này.

2. 補償決定作成及法定救濟期間經過後，依各地檢署審議會之程序通知請領。
 Sau khi có quyết định bồi thường và thời hạn khiếu nại theo quy định đã kết thúc, người nộp đơn sẽ được thông báo nhận khoản bồi thường theo thủ tục từ Ủy ban đánh giá của cơ quan công tố địa phương.

※核發遺屬補償金後，尚有未具名或未發覺之其他同一順位遺屬時，已受領者應負責分與之。
 Sau khi khoản bồi thường cho thân thân đã được chi trả, nếu vẫn còn những người cùng hàng thừa kế chưa được liệt kê hoặc chưa được phát hiện, người đã nhận bồi thường phải có trách nhiệm phân chia lại khoản bồi thường cho những người này.

※申請人因債務問題致帳戶有遭扣押之虞，可申請開立專戶，僅供存入補償金給付。
 Nếu tài khoản của người nộp đơn có nguy cơ bị phong tỏa do vấn đề nợ nần, họ có thể yêu cầu mở một tài khoản riêng biệt chỉ để nhận tiền bồi thường.

※以上各欄位均據實填寫，若有調查需要，同意審議會可逕向衛生福利部中央健康保險署、勞動部勞工保險局或有關機關(團體)調閱相關資料。
 Các thông tin đã điền trên đều đúng sự thật, trong trường hợp cần thiết phải tiến hành điều tra, tôi đồng ý để Ủy ban đánh giá trực tiếp yêu cầu Cục Bảo hiểm Y tế Trung Ương thuộc Bộ Y tế và Phúc lợi, Cục Bảo hiểm Lao động thuộc Bộ Lao động, hoặc các cơ quan (tổ chức) khác cung cấp văn bản/ giấy tờ liên quan.

※您是否同意於審議會作成決定書後，將副本提供予犯保協會當地分會，俾提供您相關協助？
 Ông/ bà có đồng ý sau khi Ủy ban đánh giá ra quyết định, chúng tôi sẽ cung cấp bản sao cho Hiệp hội Bảo vệ Nạn nhân tại chi nhánh địa phương để hỗ trợ ông/ bà không?

☐ 是 Có ☐ 否 Không

此致

Kính gửi

臺灣(福建) 地方檢察署犯罪被害人補償審議會
Ủy ban đánh giá bồi thường cho nạn nhân của Phòng Công tố địa phương - Đài Loan (Phúc Kiến)

申請人簽名或蓋章：_____

Người nộp đơn (ký tên hoặc đóng dấu):

申請人簽名或蓋章：_____

Người nộp đơn (ký tên hoặc đóng dấu):

申請人簽名或蓋章：_____

Người nộp đơn (ký tên hoặc đóng dấu):

申請人簽名或蓋章：_____

Người nộp đơn (ký tên hoặc đóng dấu):

申請人簽名或蓋章：_____

Người nộp đơn (ký tên hoặc đóng dấu):

申請人簽名或蓋章：_____

Người nộp đơn (ký tên hoặc đóng dấu):

代理人簽名或蓋章：_____

Người đại diện (ký tên hoặc đóng dấu):

(代為申請之機關(構)請蓋單位章)

(Cơ quan (tổ chức) đại diện nộp đơn xin dùng con dấu của đơn vị)

中 華 民 國
Trung Hoa Dân Quốc

年
Năm

月
Tháng

日
Ngày

註：本申請書之填寫須知，附錄於後。

Chú ý: Bản hướng dẫn điền đơn yêu cầu bồi thường được đính kèm ở trang phía sau.

附表、境外補償金其他申請人資料表

Phụ lục, Bảng thông tin các đương sự khác nộp đơn xin tiền bồi thường từ nước ngoài

姓 名 Họ và tên	性別 Giới tính	出生日期 Ngày tháng năm sinh (Năm/tháng/ngày)	國籍 Quốc tịch	國民身分證統一編號 (居留證號碼或護照號碼) Số chứng minh thư (Số thẻ cư trú hoặc mã số hộ chiếu)									

申請人與被害人之關係：☐ 父母 ☐ 配偶 ☐ 子女 ☐ 祖父母 ☐ 孫子女 ☐ 兄弟姐妹

Quan hệ với người bị hại: Ba mẹ Vợ/chồng Con cái Ông bà Cháu Anh chị em

地址 Địa chỉ			職業 Nghề nghiệp	電話：()-_____
通訊地址： ☐ 同第 1 頁申請人 Địa chỉ liên lạc： ☐ Như người nộp đơn(Ở trang 1)				Điện thoại: 行動電話：_____ Số điện thoại di động:

姓 名 Họ và tên	性別 Giới tính	出生日期 Ngày tháng năm sinh (Năm/tháng/ngày)	國籍 Quốc tịch	國民身分證統一編號 (居留證號碼或護照號碼) Số chứng minh thư (Số thẻ cư trú hoặc mã số hộ chiếu)									
		民 國 年 月 日											

申請人與被害人之關係：☐ 父母 ☐ 配偶 ☐ 子女 ☐ 祖父母 ☐ 孫子女 ☐ 兄弟姐妹

Quan hệ với người bị hại: Ba mẹ Vợ/chồng Con cái Ông bà Cháu Anh chị em

地址 Địa chỉ			職業 Nghề nghiệp	電話：()-_____
通訊地址： ☐ 同第 1 頁申請人 Địa chỉ liên lạc： ☐ Như người nộp đơn(Ở trang 1)				Điện thoại: 行動電話：_____ Số điện thoại di động:

姓 名 Họ và tên	性別 Giới tính	出生日期 Ngày tháng năm sinh (Năm/tháng/ngày)	國籍 Quốc tịch	國民身分證統一編號 (居留證號碼或護照號碼) Số chứng minh thư (Số thẻ cư trú hoặc mã số hộ chiếu)									

申請人與被害人之關係：☐ 父母 ☐ 配偶 ☐ 子女 ☐ 祖父母 ☐ 孫子女 ☐ 兄弟姐妹

Quan hệ với người bị hại: Ba mẹ Vợ/chồng Con cái Ông bà Cháu Anh chị em

地址 Địa chỉ			職業 Nghề nghiệp	電話：()-_____
通訊地址： ☐ 同第 1 頁申請人 Địa chỉ liên lạc： ☐ Như người nộp đơn(Ở trang 1)				Điện thoại: 行動電話：_____ Số điện thoại di động:

姓 名 Họ và tên	性別 Giới tính	出生日期 Ngày tháng năm sinh (Năm/tháng/ngày)	國籍 Quốc tịch	國民身分證統一編號 (居留證號碼或護照號碼) Số chứng minh thư (Số thẻ cư trú hoặc mã số hộ chiếu)									
申請人與被害人之關係： ☐ 父母 ☐ 配偶 ☐ 子女 ☐ 祖父母 ☐ 孫子女 ☐ 兄弟姐妹 Quan hệ với người bị hại: Ba mẹ Vợ/chồng Con cái Ông bà Cháu Anh chị em													
地址 Địa chỉ			職業 Nghề nghiệp	電話：()-_____									
通訊地址： ☐ 同第 1 頁申請人 Địa chỉ liên lạc: ☐ Như người nộp đơn(Ở trang 1)				Điện thoại: 行動電話：_____ Số điện thoại di động:									
姓 名 Họ và tên	性別 Giới tính	出生日期 Ngày tháng năm sinh (Năm/tháng/ngày)	國籍 Quốc tịch	國民身分證統一編號 (居留證號碼或護照號碼) Số chứng minh thư (Số thẻ cư trú hoặc mã số hộ chiếu)									
申請人與被害人之關係： ☐ 父母 ☐ 配偶 ☐ 子女 ☐ 祖父母 ☐ 孫子女 ☐ 兄弟姐妹 Quan hệ với người bị hại: Ba mẹ Vợ/chồng Con cái Ông bà Cháu Anh chị em													
地址 Địa chỉ			職業 Nghề nghiệp	電話：()-_____									
通訊地址： ☐ 同第 1 頁申請人 Địa chỉ liên lạc: ☐ Như người nộp đơn(Ở trang 1)				Điện thoại: 行動電話：_____ Số điện thoại di động:									

(欄位不足填寫 請自行延伸)

(Nếu không đủ chỗ để điền, xin tự mở rộng phần cần điền)

境外補償金申請書填寫須知

Hướng dẫn đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại (Bản bồi thường tại nước ngoài)

一、申請人欄，應全部填寫。

Mục người nộp đơn, cần phải điền đầy đủ thông tin.

二、得申請境外補償金之遺屬，依下列順序定之（犯罪被害人權益保障法【以下簡稱本法】第 53 條）：

Người thân của người quá cố có quyền yêu cầu tiền bồi thường sẽ được xác định theo thứ tự sau đây (theo Điều 53 của Luật Bảo Vệ Quyền Lợi của Người Bị Hại [sau đây gọi tắt là 'Luật này']:

(一) 父母、配偶及子女。

Cha mẹ, vợ/chồng và con cái.

(二) 祖父母。

Ông bà.

(三) 孫子女。

Cháu.

(四) 兄弟姊妹。

Anh chị em.

同一順序遺屬有兩人以上時，應共同具領；未共同具領或於補償決定作成前如另有他人提出請領，應通知各申請人協議其中一人代表請領，未能協議者，其遺屬補償金應按人數平均發給各申請人。

Khi có hai người thân cùng cấp bậc, họ cần cùng nhau nhận tiền bồi thường; nếu không cùng nhau nhận hoặc trước khi phán quyết bồi thường được thiết lập nếu có người khác yêu cầu nhận tiền, cần thông báo cho tất cả các người nộp đơn, thỏa thuận đưa ra một người đại diện để nhận tiền. Nếu trong trường hợp không thể thỏa thuận, số tiền này sẽ được chia đều theo số lượng người nộp đơn.

核發遺屬補償金後，尚有未具名或未發覺之其他同一順位遺屬時，應由已受領之遺屬負責分與之。

Sau khi tiền bồi thường cho người thân được phát hành, nếu vẫn còn những người thân cùng cấp bậc chưa được liệt kê hoặc chưa được phát hiện, người đã nhận tiền cần chịu trách nhiệm chia sẻ phần của họ cho (những) người còn lại.

三、得申請境外補償金之遺屬有數人時，應共同填寫一份申請書，除第 1 頁填寫之申請人外，其餘申請人請填寫附表 1「境外補償金其他申請人資料表」。

Khi có nhiều người thân của người quá cố có quyền yêu cầu tiền bồi thường ở nước ngoài, họ cần cùng nhau điền một đơn đăng ký. Ngoài người nộp đơn được liệt kê trên trang đầu, các người nộp đơn khác cần điền thông tin vào Phụ lục 1 “Bảng Thông Tin Các Người Nộp Đơn Khác Yêu Cầu Tiền Bồi Thường Ở Nước Ngoài”.

四、無代理人者，代理人欄免填。

Nếu không có người đại diện, mục “người đại diện” không cần điền.

五、境外補償金之總額為新臺幣 20 萬元（本法第 57 條第 1 項第 4 款）。

Tổng số tiền bồi thường ở nước ngoài là 200.000 Đài tệ mới (Theo Điều 57, khoản 1, mục 4 của Luật này).

六、得申請境外補償金者須為我國國民於我國領域外，因他人之故意犯罪行為被害，於中華民國 100 年 12 月 9 日以後死亡之遺屬，且須符合下列條件（本法第 54 條）：

Đối tượng có thể yêu cầu tiền bồi thường ở nước ngoài phải là thân nhân của công dân Đài Loan bị hại ở ngoài lãnh thổ Đài Loan do hành vi cố ý phạm của người khác, và từ vong sau ngày 9 tháng 12 năm 2011, cũng như phải đáp ứng các điều kiện sau (Theo Điều 54 của Luật này):

(一) 犯罪被害人於臺灣地區設有戶籍，且未為遷出國外登記。

Người bị hại có hộ khẩu ở khu vực Đài Loan và không có đăng ký di cư ra nước ngoài.

(二) 犯罪被害人無非法出境或因案遭我國通緝情事。

Người bị hại không nằm trong tình trạng xuất cảnh trái phép hoặc bị truy nã bởi cơ quan chức năng Đài Loan do liên quan đến vụ án.

(三) 故意行為依行為時我國法律有刑罰規定。

Hành vi cố ý đã được quy định hình phạt theo luật pháp của Đài Loan vào thời điểm hành vi được thực hiện.

七、前項同一順序之遺屬有 2 人以上時：（本法第 53 條第 2 項至第 4 項）。

Khi có hơn hai người thân cùng cấp bậc theo quy định (Theo Điều 53, Khoản 2 đến Khoản 4 của Luật này):

八、同一順序遺屬有兩人以上時，應共同具領；未共同具領或於補償決定作成前如另有他人提出請領，應通知各申請人協議其中一人代表請領，未能協議者，其遺屬補償金應按人數平均發給各申請人。

Khi có hai người thân cùng cấp bậc trở lên, họ cần đồng thời nhận tiền bồi thường; nếu không thể đồng thuận nhận hoặc trước khi quyết định bồi thường của tòa án được thiết lập nếu có người khác yêu cầu nhận tiền, cần thông báo cho tất cả các người nộp đơn trước đó và thỏa thuận để một người đại diện nhận tiền. Nếu không thể thỏa thuận, tiền bồi thường cho người thân sẽ được chia đều theo số lượng người nộp đơn.

核發遺屬補償金後，尚有未具名或未

發覺之其他同一順位遺屬時，應由已受領之遺屬負責分與之。

Sau khi tiền bồi thường cho người thân được phát, nếu vẫn còn những người thân cùng cấp bậc chưa được liệt kê hoặc chưa được phát hiện, người đã nhận tiền cần chịu trách nhiệm chia sẻ phần của họ.

九、資格、事實及理由欄，得以附件方式記載，或於「其他」欄位說明以下內容：

Các thông tin về tư cách, sự kiện và lý do có thể được ghi chép dưới dạng tài liệu đính kèm, hoặc được giải thích trong mục “Khác” với nội dung sau:

被害發生及死亡之時間、地點、死者之姓名、性別、出生年月日、國民身分證統一編號、職業、工作場所、住居所等有關被害發生之狀況及報案之情形。

Thời gian và địa điểm xảy ra vụ việc cũng như cái chết, tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, số định danh quốc gia trong chứng minh nhân dân, nghề nghiệp, nơi làm việc, địa chỉ cư trú, và các tình tiết khác liên quan đến sự việc và hoàn cảnh báo cáo vụ án.

十、有下列各款情形之一者，不得申請境外補償金（本法第 56 條）：

Trường hợp rơi vào một trong các tình huống sau đây sẽ không được phép yêu cầu tiền bồi thường ở nước ngoài (Theo Điều 56 của Luật):

(一) 故意或過失使犯罪被害人死亡。

Cố ý hoặc do sơ suất gây ra cái chết của Người bị hại.

(二) 犯罪被害人死亡前，故意使因犯罪被害人死亡而得申請遺屬補償金之先順序或同順序之遺屬死亡。

Trước khi Người bị hại qua đời, cố ý gây cái chết cho người thân cùng cấp bậc hoặc có thứ tự ưu tiên phía trước trong việc yêu cầu tiền bồi thường do cái chết của nạn nhân.

(三) 犯罪被害人死亡後，故意使得申請遺屬補償金之先順序或同順序之遺屬死亡。

Sau khi Người bị hại tử vong, cố ý gây cái chết cho người thân có thứ tự ưu tiên phía trước hoặc cùng cấp bậc trong việc yêu cầu tiền bồi thường.

十一、檢附文件欄，請依所列文件逐一檢附，以減少補正程序。

Mục tài liệu đính kèm, vui lòng đính kèm từng tài liệu được liệt kê một cách cụ thể, nhằm giảm thiểu quá trình sửa chữa.

十二、本法相關規定摘要：

Tóm tắt các quy định liên quan của Luật này:

(一) 本法於大陸地區人民、香港或澳門居民於大陸地區、香港或澳門因犯罪行為被害時，不適用之（本法第 99 條）。

Luật này không áp dụng đối với công dân của Trung Quốc Đại Lục, Hồng Kông hoặc

Ma Cao bị hại do tội phạm tại Đại lục, Hồng Kông hoặc Ma Cao (Theo Điều 99 của Luật này).

(二) 請領犯罪被害補償金，有下列情形之一者，應全部返還之，並加計自受領之日起計算之利息：（本法第 60 條）

Trong các trường hợp sau đây khi yêu cầu tiền bồi thường cho Người bị hại, cần phải hoàn trả toàn bộ số tiền và lãi suất tính từ ngày nhận tiền (Theo Điều 60 của Luật này):

1. 有第 56 條所定不得申請之情形。

Nằm trong các trường hợp được quy định tại Điều 56 không được phép yêu cầu.

2. 以虛偽或其他不正當方法請領犯罪被害補償金。

Yêu cầu tiền bồi thường bằng cách giả mạo hoặc sử dụng phương pháp không chính đáng.

(三) 申請境外補償金者，應以書面向犯罪被害人在我國戶籍所在地之審議會為之。（本法第 62 條第 1 項但書）

Người yêu cầu tiền bồi thường ở nước ngoài cần phải nộp đơn bằng văn bản đến Ủy ban Xét xử tại nơi đăng ký hộ khẩu của Người bị hại tại Đài Loan (Theo quy định tại Điều 62, khoản 1 của Luật này)

一、本表單檔案可至法務部全球資訊網

下載（連結：

<https://reurl.cc/AA6nqK>），或掃描

QRCode：

Biểu mẫu này có thể tải từ trang thông tin toàn cầu của Bộ Tư pháp (Link:

<https://reurl.cc/AA6nqK>), hoặc quét mã

QRCode:

